

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN CAO HỌC

Ngành: CÔNG NGHỆ SINH HỌC K32


Mã môn học: MSH112 Khóa: _____
 Tên môn học: CÁC VẤN ĐỀ HIỆN ĐẠI TRONG CÔNG NGHỆ SINH HỌC Số tiết: 45
 Ngày thi: Seminar Phòng thi: _____
 Giảng viên phụ trách môn học: PGS.TS. Bùi Văn Lê + TS. Nguyễn Hữu Hoàng + PGS.TS. Trương Hải Nhung
 Cán bộ coi thi: _____

(* Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10)

STT	Mã số học viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (50%)	Cuối kỳ (50%)	Điểm TB
1	22C67001	Nguyễn Thị Kim Chi	18/10/1998	TP.HCM		<i>Sia</i>	8.5	10	9.25
2	22C67002	Hồ Thị Mỹ Duyên	30/10/1997	Long An		<i>Duyen</i>	9	10	9.5
3	22C67003	Trương Thị Mỹ Hằng	03/12/1996	Trà Vinh		<i>Hang</i>	9	10	9.5
4	22C67004	Nguyễn Thanh Hiếu	21/11/1996	Đồng Nai		<i>Hieu</i>	8.5	10	9.25
5	22C67005	Nguyễn Mạnh Hùng	14/01/1999	Ninh Bình		<i>Hung</i>	8.5	10	9.25
6	22C67007	Chung Ngọc Mi Mi	01/06/1992	Cà Mau		<i>Mi</i>	8.5	10	9.25
7	22C67008	Cao Xuân Minh	12/09/1995	Quảng Nam		<i>Minh</i>	8.5	10	9.25
8	22C67009	Nguyễn Hữu Nghĩa	17/08/1999	TP.HCM		<i>Nghia</i>	9	10	9.5
9	22C67010	Nguyễn Ngọc Như	20/07/1997	TP.HCM			8.5	vắng	4.25
10	22C67011	Trần Thị Quỳnh Như	07/11/1997	TP.HCM		<i>Như</i>	9	10	9.5
11	22C67012	Lê Thùy Uyên	13/08/1991	Đồng Tháp		<i>Uyen</i>	8.5	10	9.25
12	22C67013	Nguyễn Đoàn Nhật Quỳnh	18/02/1999	Quảng Nam		<i>Quynh</i>	9	10	9.5
13	22C67014	Nguyễn Hoàng Thúy Tiên	18/03/1997	Sóc Trăng		<i>Tien</i>	9	10	9.5
14	22C67015	Trần Lê Cẩm Tú	02/07/1997	TP.HCM			9	10	9.5
15	22C67016	Nguyễn Trần Hạnh Vy	22/04/1997	TP.HCM		<i>Vy</i>	9	10	9.5
16	22C67017	Nguyễn Thị Phương Anh	14/04/2000	Thái Bình		<i>Anh</i>	9	10	9.5
17	22C67018	Lê Thị Cẩm Bích	27/09/1998	Quảng Ngãi		<i>Bich</i>	8.5	10	9.25
18	22C67019	Trần Quang Ngọc Dũng	15/01/1997	Cà Mau		<i>Dung</i>	8.5	10	9.25
19	22C67020	Hồ Hữu Duy	03/10/2000	Bình Dương		<i>Duy</i>	9	10	9.5
20	22C67022	Võ Thị Tài Hậu	02/10/1999	Đắk Lắk		<i>Hau</i>	9	10	9.5
21	22C67023	Trần Thị Hiếu	26/03/1999	TP.HCM		<i>Hieu</i>	9	10	9.5
22	22C67024	Hoàng Trung Hiếu	09/01/1996	Cà Mau		<i>Hieu</i>	9	10	9.5
23	22C67025	Nguyễn Phi Hùng	23/12/1997	Long An		<i>Hung</i>	9	10	9.5
24	22C67026	Lê Mỹ Linh	18/06/2020	Vĩnh Long		<i>Linh</i>	8.5	10	9.25
25	22C67028	Hồ Linh Kiều Nhi	20/11/1999	Đồng Nai		<i>Nhi</i>	9	10	9.5
26	22C67029	Nguyễn Thị Huỳnh Như	15/02/1997	Bến Tre		<i>Nhu</i>	8.5	10	9.25

STT	Mã số học viên	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (5.0%)	Cuối kỳ (5.0%)	Điểm TB
27	22C67030	Nguyễn Hồng Phúc	23/07/1996	Long An		Phúc	8.5	10	9.25
28	22C67031	Đỗ Thị Phượng	23/12/1989	Long An		Phượng	9	10	9.5
29	22C67033	Nguyễn Ngọc Mỹ Quỳnh	13/05/1995	TP.HCM		Quỳnh	9	10	9.5
30	22C67034	Nguyễn Phước Quý Thăng	17/12/2000	Đồng Nai			8.5	vắng	4.25
31	22C67035	Nguyễn Thị Minh Thư	17/12/1999	Nha Trang		Thư	9	10	9.5
32	22C67037	Lý Lan Trinh	27/08/1999	Tây Ninh		Trinh	9	10	9.5
33	22C67038	Nguyễn Thị Phương Uyên	14/03/1999	BR-VT		Uyên	8.5	10	9.25
34	22C67039	Đặng Anh Việt	04/06/1997	Cần Thơ		Việt	8.5	10	9.25
35	22C67040	Trần Anh Vũ	25/11/1998	TP.HCM			9	10	9.5
36	22C67041	Ngô Phạm Bảo Vy	06/07/1997	Kiên Giang		Vy	8.5	10	9.25
37	22C67043	Phạm Thị Phương Liên	23/02/2001	Bình Định		Liên	8.5	10	9.25
38	22C67044	Nguyễn Lưu Thảo Uyên	07/11/2000	An Giang		Uyên	9	10	9.5
39	22C67045	Đỗ Lan Nhật	20/07/2001	TP.HCM		Nhật	8.5	10	9.25
40	22C67046	Nguyễn Bá Nhiệt	04/08/2000	Hà Nội		Nhiệt	9	10	9.5
41	22C67047	Nguyễn Thị Phương Thảo	27/01/2001	Đắk Lắk		Thảo	8.5	10	9.25
42	22C67048	Đinh Hoàng Phương Uyên	10/02/2000	TP.HCM		Uyên	9	10	9.5
43	22C67049	Đoàn Thế Quang Vinh	23/11/2001	BR-VT		Vinh	8.5	10	9.25

Tp. Hồ Chí Minh, ngày ... tháng ... năm .2023
Cán bộ chấm thi


Nguyễn H. Hoàng